

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **162/2019/HC-PT**

Ngày: 25-9-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 160/TLPT-HC ngày 05-7-2018 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 06-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1121/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa:

* *Người khởi kiện:* Ông **Huỳnh Văn H**; Địa chỉ: Tổ 13 Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H1**; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2017). Có mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Chí H2**, chức vụ: Phó Chủ tịch. Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Khánh N**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Trần Thu Phương T**; Tổ 13 Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H1**; Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2017). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06-10-2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 598468, sổ vào sổ cấp GCN: CH06953 đối với 1.353,5m² đất thuộc thửa đất số 385 tờ bản đồ số 71 tại địa chỉ tổ 13, Đ, phường V, thành phố N cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T.

Ngày 20-4-2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N lập Biên bản xác định hành vi phạm luật đất đai đối với ông Huỳnh Văn H.

Ngày 08-5-2017, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T (sau đây gọi là Quyết định 1676).

Ngày 21-6-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn H yêu cầu hủy Quyết định 1676. Kèm theo đơn khởi kiện, ông Huỳnh Văn H đã giao nộp các bản sao Quyết định 1676, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình, bản photo Biên bản giao quyết định 1676.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Huỳnh Văn H và ông Nguyễn Văn H1 (người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 đối với thửa đất số 385 tờ bản đồ số 71, tại khu vực tổ 13, Đ, phường V với diện tích 1.353,5m² đất rừng sản xuất; trong đó có 799,8m² được quy hoạch là đất ở đô thị, 533,7m² quy hoạch là đất trồng cây lâu năm. Do không hiểu biết về pháp luật, ông Huỳnh Văn H có thực hiện việc san ủi đất tại thửa đất nói trên để gia cố mở rộng trang trại chăn nuôi mà không thực hiện các thủ tục xin phép các cơ quan có thẩm quyền và đã bị Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N lập biên bản vi phạm. Hành vi của ông H không phải là cố ý hủy hoại đất nhưng UBND thành phố N ban hành Quyết định 1676 thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T là quá nặng, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 10-3-2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N phối hợp với UBND phường V kiểm tra phát hiện và xác minh thửa đất

số 385 tờ bản đồ số 71 do ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T quản lý, sử dụng tại khu vực tổ 13, Đ, phường V (đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 đối với thửa đất số 385 tờ bản đồ số 71, diện tích 1.353,5m² là loại đất rừng sản xuất) có tình trạng tự ý đào, mức, san ủi đất làm biến dạng địa hình.

Ngày 20-4-2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N phối hợp với UBND phường V kiểm tra thực địa, lập biên bản xác định ông Huỳnh Văn H đã có hành vi hủy hoại đất (đào, mức đất làm biến dạng địa hình) tại thửa đất số 385 tờ bản đồ số 71 tổ 13 Đ, phường V.

Ngày 08-5-2017, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Văn Hương và bà Trần Thu Phương T.

Việc người sử dụng đất tự ý đào, mức trên đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép có thể dẫn đến sạt lở đất gây hậu quả nghiêm trọng (có thể dẫn đến chết người) là hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai 2013 và không thuộc bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ đồng thời là hành vi bị nghiêm cấm theo khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai. Vì vậy, UBND thành phố N thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật về đất đai và để ngăn chặn các hành vi vi phạm xảy ra trên địa bàn thành phố N.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 29/2018/HC-ST ngày 06-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 64, Điều 66, Điểm a Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh Văn H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-11-2018, ông Nguyễn Văn H1 đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H.

Ngày 21-11-2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã kháng nghị đối với Bản án hành chính sơ số 29/2018/HC-ST ngày 06-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận đơn khởi

kiện của ông Huỳnh Văn H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 1676 thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn H ngày 21-6-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý để giải quyết là đúng quy định khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do cụ Phan Thị H1 (mẹ ông H) khai hoang năm 1991 có xác nhận của phường V, với mục đích trồng trọt và chăn nuôi dê (Trang trại khoảng 300m² được UBND xã xác nhận). Sau đó, cụ H1 tặng cho vợ chồng ông Huỳnh Văn H. Ngày 06-10-2016, ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thu Phương T được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất số CH06953 với diện tích 1.353,5m² tại thửa đất số 385, tờ bản đồ số 71, tổ 13, Đ, V, thành phố N. Trong đó quy hoạch 799,8m² đất ở đô thị và 533,7m² quy hoạch là đất rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng đất kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đến ngày 01-7-1964. Trong quá trình sử dụng đất, ông Huỳnh Văn H thực hiện việc san ủi đất tại thửa đất nêu trên nhưng không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Ngày 08-5-2017, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06953 ngày 06-10-2016 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T với lý do có hành vi hủy hoại đất. Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm tra thực địa ngày 10-3-2017 và Biên bản xác định hành vi vi phạm ngày 20-4-2017 do Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố N lập không thể hiện diện tích vi phạm cụ thể là bao nhiêu, tứ cận như thế nào. Trong khi đó, ông Huỳnh Văn H và ông Nguyễn Văn H1 (đại diện theo ủy quyền của ông H) cho rằng: *Trong tổng diện tích đất của hộ ông H trước đây gia đình có san ủi khoảng 300m² để làm taluy chống sạt lở do trước đó gia đình làm trang trại nuôi dê, bò bị sạt lở.* Như vậy, diện tích ông H đã san ủi là khoảng 300m² nhưng UBND thành phố N lại thu hồi toàn bộ diện tích 1.353,5m² là không đúng theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 5 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ, đó là: *“Trường hợp vi phạm một phần diện tích thửa đất có giấy tờ về quyền sử dụng*

đất hoặc thửa đất vi phạm không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định thì người thi hành công vụ lập biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ diện tích đất vi phạm thực tế”.

[3] Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản khác của ông Huỳnh Văn H có 02 loại đất như phân tích tại phần [2] là đất ở đô thị và đất rừng trồng cây lâu năm - cây công nghiệp phải được điều chỉnh bởi Luật đất đai và Luật chuyên ngành về phát triển rừng trồng. Cụ thể: Tại điểm b khoản 3 Điều 4 Luật bảo vệ & phát triển rừng năm 2004 quy định “*Rừng sản xuất là rừng trồng*” phù hợp với ý (2) phần II tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 do UBND thành phố N đã cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H. Đồng thời, phải được điều chỉnh theo pháp luật quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản nếu có mới chính xác.

[4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H1 trình bày việc ông Huỳnh Văn H san ủi đất là do Nhà nước đào mương lấp đất lên phần đất đã san ủi trước đây (năm 1991). Nghĩa là san lấp phần đất do đào mương đổ lên chứ không phải có ý hủy hoại đất như cấp sơ thẩm phân tích. Điều này phù hợp với ý kiến của cụ Phan Thị H1 có tại hồ sơ khi cho rằng cải tạo, san ủi đất để di dời trang trại nuôi dê, bò thực hiện công trình mương thoát lũ Đ giai đoạn 2. Đồng thời, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố N không có ý kiến gì về nội dung này. Như vậy, việc lập các Biên bản kiểm tra nhưng chưa làm rõ nội dung vi phạm cụ thể của ông Huỳnh Văn H nhưng UBND thành phố N lại thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà Thảo là không thuyết phục. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm - hủy Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 08-5-2017 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06953 cấp ngày 06-10-2016 của vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sửa toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm

số 29/2018/HC-ST ngày 06-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 144 Luật Đất đai 2013; điểm b khoản 3 Điều 4 Luật bảo vệ & phát triển rừng năm 2004; điểm b, khoản 4 Điều 5 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Hủy Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06953 ngày 06-10-2016 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu Phương T.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 348; khoản 2, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn H không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000742 ngày 03-2-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (ông Nguyễn Văn H1 đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H nộp).

Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25-9-2019./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu